

Chữ ký người mang hộ chiếu / *Signature of bearer*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM*

Loai / Type

Mã số / Code

Số hộ chiếu / *Passport No.*

P

VNM

P03893247

Ho / Surname

NGÔ

Chữ đệm và tên / *Given names*

THÙY DUNG

Quốc tịch / *Nationality*

VIỆT NAM / VIETNAMESE

Ngày sinh / *Date of birth*

Giới tính / Sex

14/08/1998

NỮ / F

Nơi sinh / *Place of birth*

Số ĐDCN, CMND / ID No.

Thanh Hoá

038198001102

Ngày cấp / Date of issue

Ngày hết hạn / *Date of expiry*

17/02/2025

17/02/2035



P038932477VNM9808140F3502170038198001102<<90

日本国政府
GOVERNMENT OF JAPAN

在留カード
RESIDENCE CARD

番号 No. SA02682674EA

氏名 NAME NGO THUY DUNG

生年月日 1998年08月14日 性別 女 F. 国籍・地域 ベトナム
DATE OF BIRTH Y M D SEX NATIONALITY/REGION

住居地 神奈川県横浜市金沢区六浦南二丁目28番13号 湘南スカ
ADDRESS イハウス六浦101

在留資格 技術・人文知識・国際業務

STATUS Engineer/
Specialist in
Humanities/
Int'l Services

就労制限の有無

在留資格に基づく
就労活動のみ可

在留期間（満了日） 1年（2025年08月06日）
PERIOD OF STAY (DATE OF EXPIRATION) Y Y M D

許可の種類 在留期間更新許可（東京出入国在留管理局長）

MOJ

許可年月日 2024年08月06日 交付年月日 2024年08月06日

このカードは 2025年08月06日まで有効 です。

PERIOD OF VALIDITY OF THIS CARD



出入国在留管理庁長官



住居地記載欄

届出年月日

住居地

記載者印

資格外活動許可欄

在留期間更新等許可申請欄